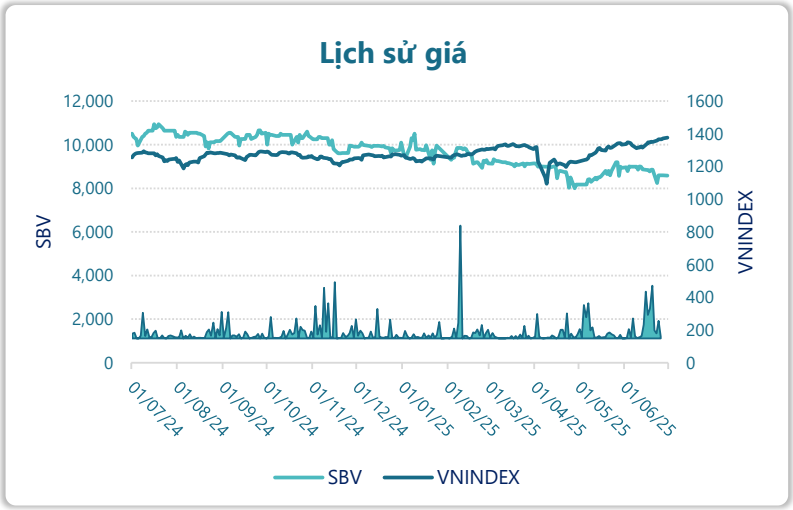
FireAnt

CTCP Siam Brothers Việt Nam (HSX: SBV)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,580**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,938
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	27,323,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,620
% sở hữu nước ngoài	14.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	234
P/E	-5.0
EPS	-1,711

DT thuần

Q2/25

128

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.0| 16.1%

YoY: ▲ 21.0| 19.4%

LN sau thuế

Q2/25

-13.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.60| -4.4%

YoY: ▼8.51| -184%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-5.2%

+/- YoY: ▼ 5.5%

DT thuần

6T 2025

238

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0| 20.4%

LN sau thuế

6T 2025

-25.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.4| -129%

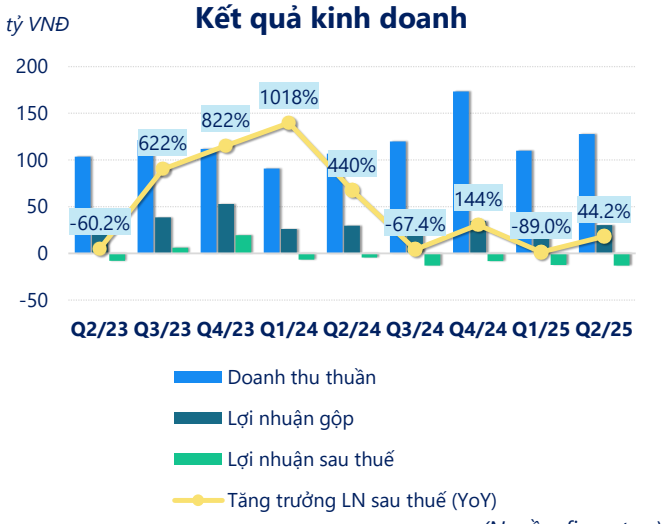
ROE

Q2/25

-10.4%

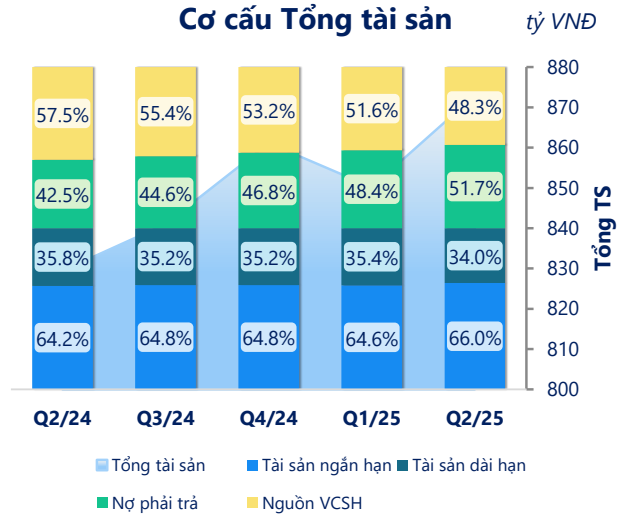
+/- YoY: ▼ 13.4%

Kết quả kinh doanh



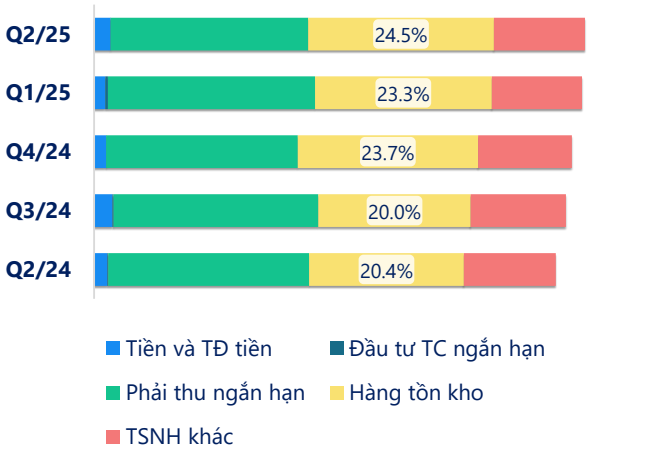
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



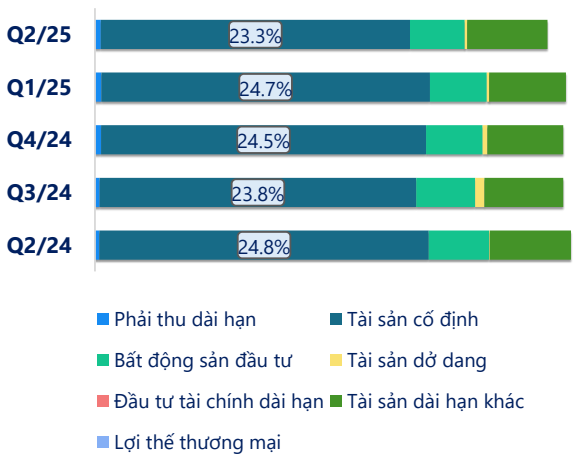
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



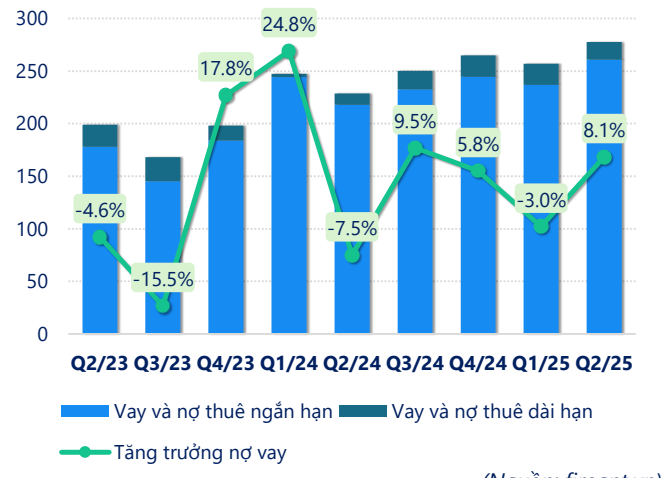
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



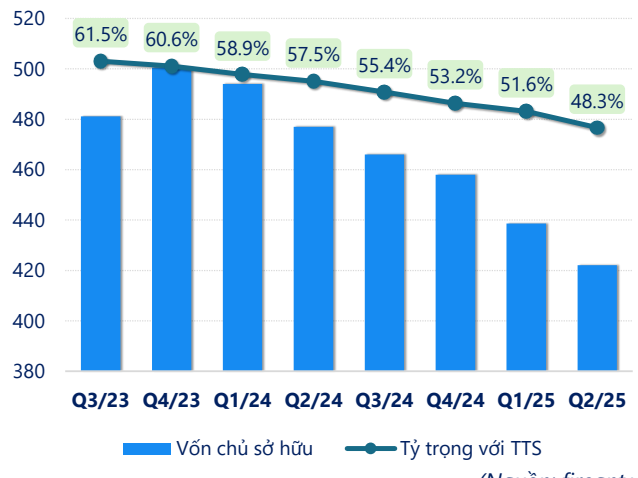
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



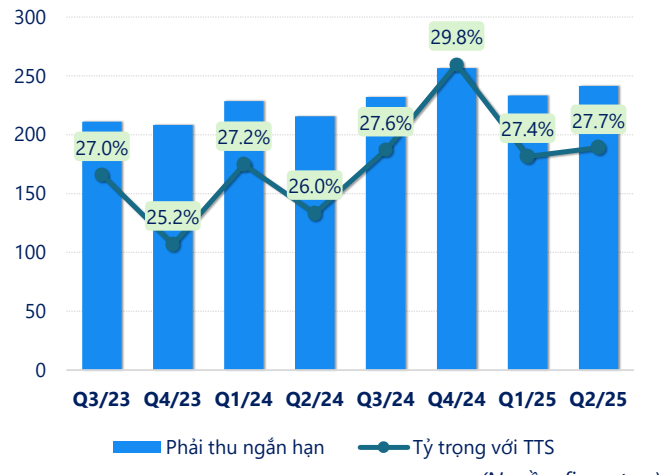
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



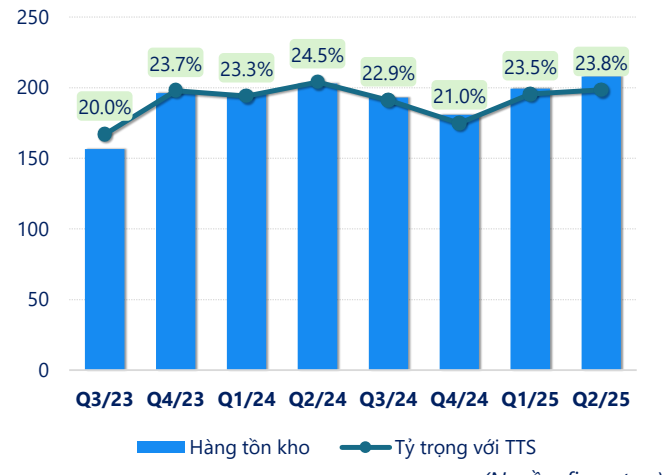
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



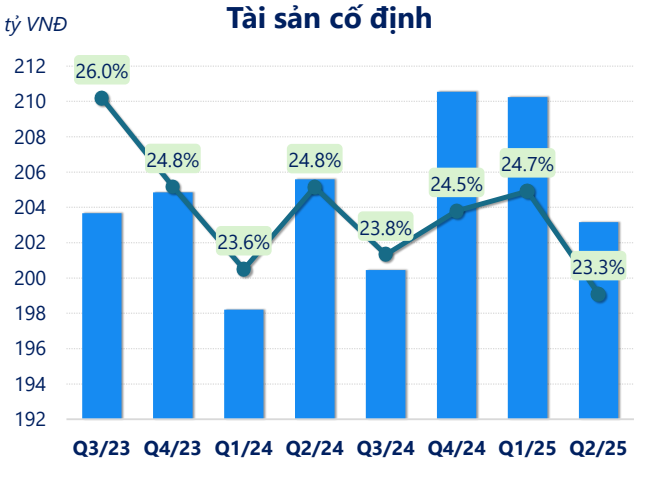
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



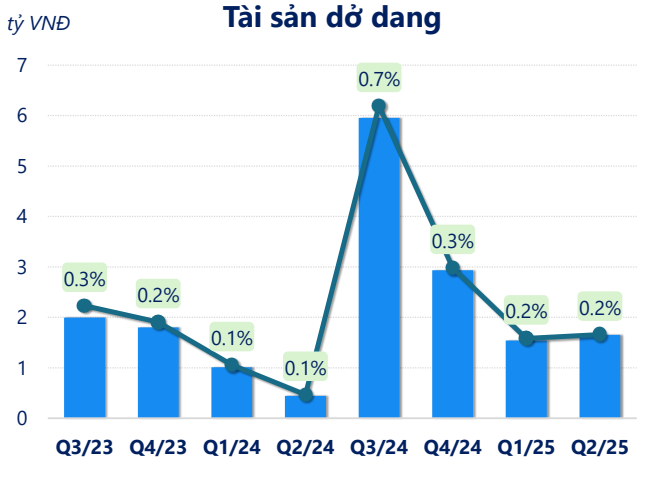
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



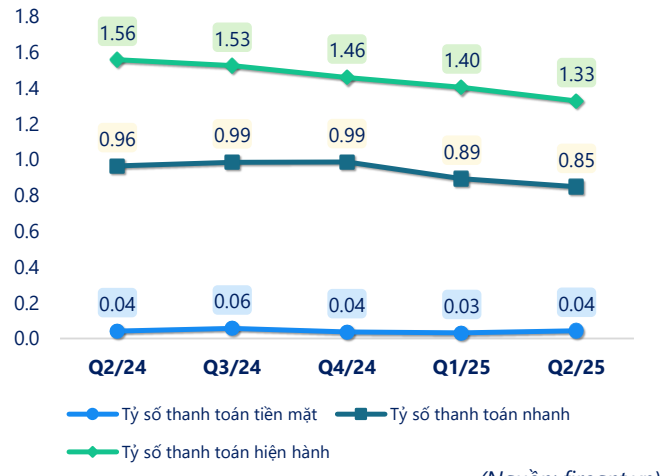
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



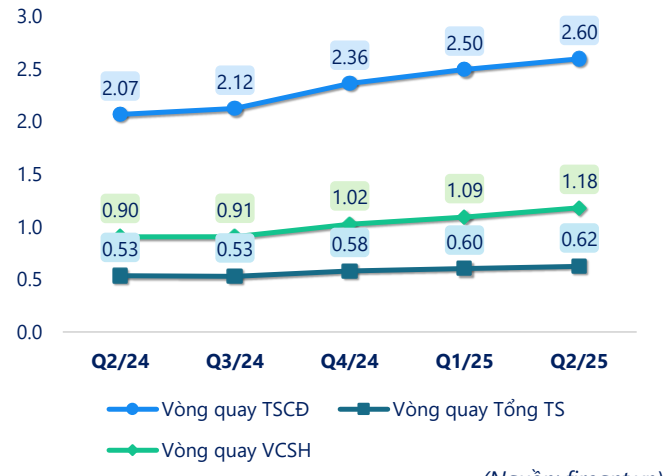
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**829**	**841**	**861**	**850**	**873**
Tài sản ngắn hạn	**532**	**545**	**558**	**549**	**576**
Tiền và tương đương tiền	14.3	20.2	13.8	12.3	19.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.10	0.00	0.00
Phải thu ngắn hạn	216	232	257	233	242
Hàng tồn kho	203	193	181	199	208
Tài sản ngắn hạn khác	99.5	99.5	107	104	107
Tài sản dài hạn	**297**	**296**	**303**	**301**	**297**
Phải thu dài hạn	2.70	2.90	3.91	4.02	3.77
Tài sản cố định	206	200	211	210	203
Bất động sản đầu tư	37.6	37.2	36.7	36.3	35.9
Tài sản dở dang	0.44	5.95	2.94	1.54	1.66
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	50.6	49.7	49.2	49.2	52.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**352**	**375**	**403**	**412**	**451**
Nợ ngắn hạn	**342**	**357**	**382**	**391**	**434**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	218	233	244	237	261
Phải trả người bán ngắn hạn	44.9	38.6	59.4	68.6	81.4
Nợ dài hạn	10.8	17.8	20.9	20.5	17.2
Vay và nợ thuê dài hạn	10.6	17.6	20.3	19.9	16.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	**477**	**466**	**458**	**439**	**422**
Vốn chủ sở hữu	**477**	**466**	**458**	**439**	**422**
Vốn điều lệ	274	274	274	274	274
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)